

BÁO CÁO RÀ SOÁT ĐẦU TƯ VÀ CHI TIÊU CÔNG CHO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (CPEIR) – GIAI ĐOẠN 2016-2020 – TỈNH QUẢNG BÌNH

1. Tình hình biến đổi khí hậu ở Quảng Bình

Giới thiệu chung về tỉnh Quảng Bình

Quảng Bình là tỉnh nằm giữa Hà Tĩnh và Quảng Trị, thuộc khu vực duyên hải Bắc Trung Bộ, với bờ biển dài 116,04 km, vùng đất có tiềm năng lớn về khoáng sản và mở rộng lĩnh vực du lịch, biển và lâm nghiệp.

Năm 2018, dân số của tỉnh ước tính khoảng 887,6 nghìn người, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người là 37,5 triệu đồng (1.628 USD) và tăng lên 42,6 triệu đồng vào năm 2019. Tổng GRDP đạt 33,3 nghìn tỷ đồng (1,44 tỷ USD), kết quả của tăng trưởng GRDP 7,0% năm 2018 và 7,4% năm 2019.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,43%, sản xuất công nghiệp tăng 8,5%, giá trị sản xuất dịch vụ tăng 7,17%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp và dịch vụ. Khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 28% GRDP; dịch vụ chiếm 52%, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 20%. Tuy nhiên, Quảng Bình vẫn dồi dào khoáng sản và có tiềm năng phát triển mạnh về du lịch, kinh tế biển và lâm nghiệp.



Tác động của biến đổi khí hậu đến tỉnh Quảng Bình

Quảng Bình có vị trí địa lý thường xuyên chịu những tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu (BĐKH), theo ghi nhận hàng năm chịu nhiều tổn thất nặng nề do *bão và lũ; Nắng nóng và hạn hán; Rét đậm, rét hại và Nguy cơ nhiễm mặn trong tương lai không xa*¹.

Trong những thập niên gần đây, sự biến đổi về nhiệt độ, lượng mưa, tần số xuất hiện hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai với quy mô và mức độ tác động ngày càng lớn đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng các hoạt động kinh tế - xã hội của người dân địa phương, nhất là đến sản xuất nông nghiệp - ngành chịu tác động sâu sắc, mạnh mẽ nhất và đến cộng đồng nông dân, ngư dân cư trú tại địa phương.

Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Bình²

Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành những văn bản quy phạm pháp luật về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, chỉ đạo các ngành, cấp thực hiện theo đúng chức năng, thẩm quyền được giao, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

¹ Theo Trần Đình Hiệp, Sở NN và PTNT Quảng Bình:

<https://skhcn.quangbinh.gov.vn/3cms/upload/khcn/File/TapChiKHCN/2015/so3/4.pdf>

² Chỉ đề tham khảo, lồng ghép vào phần kết quả phân tích đầu tư công cho BĐKH tại từng địa phương

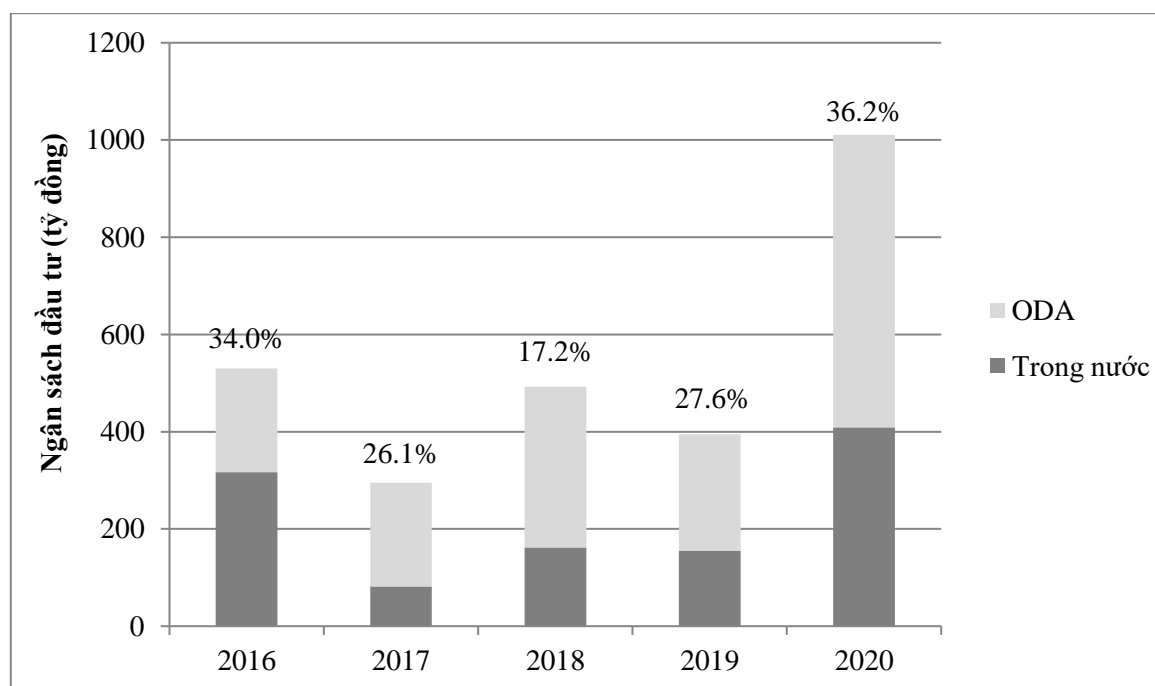
Hiện nay, tỉnh cũng đang triển khai thực hiện Dự án Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Quảng Bình và Dự án Đánh giá khí hậu tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình thực hiện, việc ban hành văn bản chỉ đạo và thực hiện của địa phương được phù hợp, thống nhất với nội dung trong việc thực hiện những điều ước Quốc tế về ứng phó với BĐKH.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã kiến nghị, đề xuất đối với Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành Trung ương hoàn thiện hệ thống chính sách văn bản về BĐKH đảm bảo đồng Bộ và đầy đủ, sớm ban hành Luật về BĐKH; tăng cường hỗ trợ kinh phí cho địa phương để thực hiện các Chương trình, dự án về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định 2053 của Thủ tướng Chính phủ; bố trí, phân bổ các nguồn vốn đầu tư phát triển tập trung, vay ODA, nguồn vốn BĐKH... để bố trí cho nhiệm vụ ứng phó với BĐKH của địa phương³.

Thời gian qua, tỉnh Quảng Bình đã triển khai các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh trong sản xuất nông nghiệp, cụ thể: i) áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất lúa cải tiến SRI cho bà con nông dân trồng lúa nhằm giảm phát thải các loại khí nhà kính (CO₂, CO, CH₄); ii) hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; iii) xử lý chất thải bằng biện pháp sinh học, sử dụng men vi sinh nhằm hạn chế mùi hôi, giảm khí thải; iv) xây dựng, triển khai chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng cacbon rừng.⁴

2. Tổng hợp dữ liệu về đầu tư biến đổi khí hậu ở Quảng Bình

2.1 Nguồn ngân sách đầu tư cho BĐKH



Hình 1: Tổng ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Quảng Bình – (phần trăm chi ngân sách cho biến đổi khí hậu trên tổng chi ngân sách cho đầu tư phát triển của tỉnh được biểu thị bởi giá trị (%) trên cùng của mỗi cột)

³ Theo: <https://stnmt.quangbinh.gov.vn/3cms/thuc-hien-cac-dieu-uoc-quoc-te-ve-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau.htm>

⁴ Theo: <https://stnmt.quangbinh.gov.vn/3cms/quang-binh-thuc-hien-thoa-thuan-paris-ve-bien-doi-khi-hau.htm>

Bảng 1: Đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Quảng Bình theo từng năm từ 2016-2020 và theo nguồn vốn

Năm	Đầu tư trong nước cho BĐKH (tỷ đồng)	Đầu tư nước ngoài cho BĐKH (tỷ đồng)	Tổng đầu tư cho BĐKH (vốn trong và ngoài nước) (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn đầu tư trong nước cho BĐKH (%)	Tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài cho BĐKH (%)	Tổng đầu tư công của tỉnh (tỷ đồng)	Tỷ lệ đầu tư cho BĐKH trên tổng đầu tư công của tỉnh (%)
2016	316,5	213,8	530,3	59,7	40,3	1.558,8	34,0
2017	81,9	213,0	294,9	27,8	72,2	1.131,7	26,1
2018	161,8	330,5	492,3	32,9	67,1	2.854,1	17,2
2019	155,1	240,2	395,3	39,2	60,8	1.433,7	27,6
2020	408,8	601,9	1.010,7	40,4	59,6	2.794,1	36,2

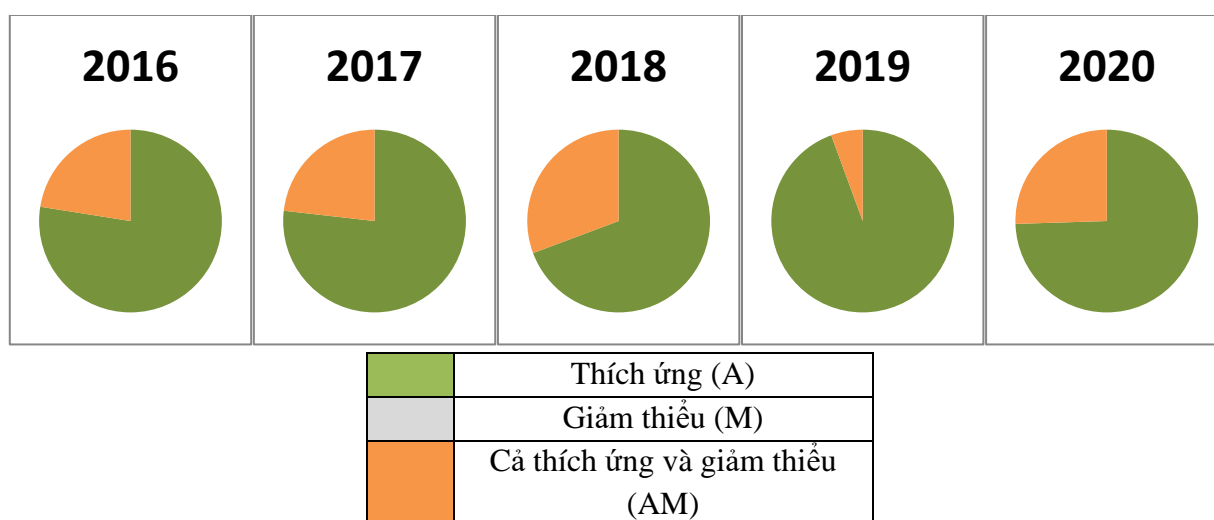
Chi đầu tư cho BĐKH bình quân giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Quảng Bình là khoảng 545 tỷ đồng/năm. Ngân sách đầu tư cho khí hậu này cao nhất vào năm 2020 (1.011 tỷ đồng) và thấp nhất vào năm 2017 (295 tỷ đồng).

Giai đoạn 2016-2020, chi đầu tư cho biến đổi khí hậu bằng nguồn vốn trong nước bình quân hàng năm là 225 tỷ đồng, chiếm tới 41% tổng chi đầu tư, nguồn ODA đóng góp khoảng 320 tỷ đồng, chiếm 59%. Tỷ trọng đầu tư từ nguồn ODA thay đổi theo năm, thấp nhất là 40% năm 2016 và cao nhất lên tới 72% năm 2017.

Tỷ lệ chi đầu tư cho biến đổi khí hậu trên tổng chi đầu tư phát triển của toàn tỉnh thay đổi từ 17,2% đến 36,2%, trung bình 27,9% cho cả giai đoạn nghiên cứu 5 năm.

2.2 Chi ngân sách cho biến đổi khí hậu, theo mục đích chi

a) Phân bổ loại dự án cho “thích ứng”, “giảm thiểu” hoặc cho cả “thích ứng” và “giảm thiểu”



Hình 2: Chi đầu tư cho thích ứng và giảm thiểu (Đơn vị: %)

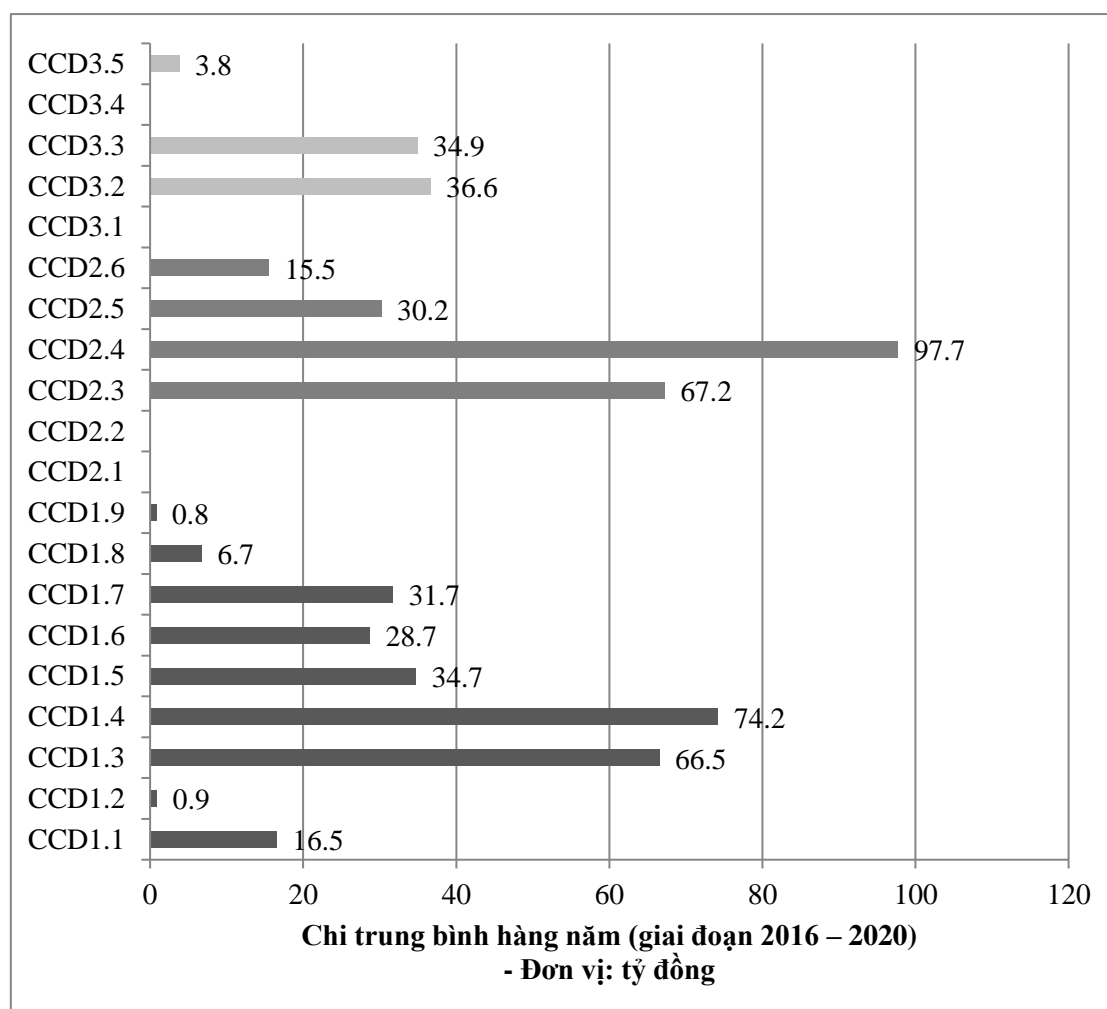
Số liệu chi tiết, đầu tư cho biến đổi khí hậu phân theo thích ứng và giảm nhẹ biến

Đơn vị: Tỷ đồng	2016		2017		2018		2019		2020	
Thích ứng	410,8	77,5%	226,4	76,8%	341,4	69,3%	373,1	94,4%	759,9	74,5%
Giảm thiểu	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Thích ứng & Giảm thiểu	119,5	22,5%	68,5	23,2%	150,9	30,7%	22,2	5,6%	260,8	25,5%

Tại tỉnh Quảng Bình, dự án đầu tư liên quan đến biến đổi khí hậu thuộc lĩnh vực thích ứng, chiếm tỷ lệ khoảng 77%, không ghi nhận dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tuy nhiên có các dự án đa mục tiêu, vừa đóng góp cho giảm nhẹ và thích ứng BĐKH được thực hiện với tổng mức đầu tư khoảng 622 tỷ đồng, chiếm tới 23%, các dự án kết hợp bao gồm các dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Nam Quảng Bình, dự án về thoát nước và vệ sinh đô thị, dự án phục hồi và quản lý bền lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng.

b) Phân bổ cho các nhiệm vụ chi đầu tư thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu (CCD)

Chi đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, trung bình hàng năm giai đoạn 2016 – 2020 (đơn vị: tỷ đồng)



Có khoảng 16 lĩnh vực dự án đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương, 05 lĩnh vực đầu tư lớn nhất như sau:

- Quản lý và xử lý chất thải, đầu tư 97,7 tỷ đồng/năm (tập trung vào các dự án vệ sinh môi trường thành phố Đồng Hới, xây dựng các khu xử lý nước thải, thu gom rác thải, các dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện), chiếm tỷ trọng 17,9%;
- Đê và kè bảo vệ sông: đầu tư 74,2 tỷ/năm, chiếm tỷ lệ 13,6%.
- Giao thông, đầu tư 67,2 tỷ/năm, chiếm tỷ lệ 12,3%
- Thủy lợi, đầu tư 66,5 tỷ/năm, chiếm tỷ lệ 12,7% và
- Hiệu quả năng lượng, đầu tư 36,6 tỷ/năm (cụ thể là dự án cấp điện bằng năng lượng mặt trời cho các bản của 10 xã lưới điện quốc gia không đến được từ vốn tài trợ Hàn Quốc), chiếm tỷ lệ 6,7%.

Các lĩnh vực khác có mức đầu tư từ gần 1 tỷ đến 35 tỷ/năm.

Đối với chính sách của Tỉnh về ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch Thực hiện Thỏa thuận Paris (viết tắt là PIPA), Kế hoạch Hành động ứng phó với Biến đổi Khí hậu (CCAP), nhưng chưa tiếp cận được với Kế hoạch Hành động Tăng trưởng Xanh (GGAP) cấp tỉnh. Các lĩnh vực đầu tư rà soát ở trên phù hợp với định hướng ưu tiên trong chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu của địa phương.

2.3 Chi ngân sách từ nguồn vốn ODA

Dưới đây là 05 (năm) dự án ODA lớn nhất cho biến đổi khí hậu (Tên dự án, nguồn vốn, giai đoạn đầu tư, tỷ trọng trong tổng đầu tư từ ODA):

1. Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ đập (WB8) (2016-2020, 15,6%)
2. Dự án thoát nước và vệ sinh đô thị Ba Đồn (Đan Mạch) (2016-2020, 13,2%)
3. Nâng cấp hệ thống đê, kè bảo vệ bờ sông và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với BĐKH các xã bãi ngang, cồn bãi thuộc thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (2016-2020, 10,0%)
4. Dự án cung cấp điện bằng năng lượng mặt trời tỉnh Quảng Bình cho các bản của 10 xã điện lưới quốc gia không đến được (Hàn Quốc) (2016-2020, 9,8%)
5. Dự án môi trường bền vững thành phố Đồng Hới (WB) (2016-2020, 8,7%)

2.4 Các công cụ lập kế hoạch và chính sách

Công cụ	Có (√)/ Không (X)
CTMTQG về BĐKH tại địa phương, báo cáo cho giai đoạn 2015	√
Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (CCAP)	√
Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (GGAP)	X
Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA)	√
Khác: không	